TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **208/**2018/QĐST-HNGĐ	Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 248 /2018/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Từ Thị M, sinh năm 1986.

- Anh Nguyễn Thọ T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ cư trú: số 95B phố B, phường Đ, quận B, thành phốH.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 248 / 2018 /TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Anh Nguyễn Thọ T và chị Từ Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố N, tỉnh K ngày 13 tháng 7 năm 2007.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Thọ T và chị Từ Thị M

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Thọ T và chị Từ Thị M có 02 con chung là Nguyễn Thọ B , sinh ngày 13/9/2008 và Nguyễn Thọ Gia B, sinh ngày 22/10/2013.

Giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/hai con (hai triệu đồng/tháng), kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh T và chị M không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về công nợ**: Anh T và chị M không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Chị M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 000 8388 ngày 22/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA DS quận B;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán

Đồng Thị Lai